

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật trẻ em ngày 05/4/2016;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 815/TTr-LĐTBXH-DN ngày 23/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030”, với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của tỉnh Nghệ An.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 5‰ vào năm 2025 và dưới 3‰ vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống dưới 6‰ vào năm 2025 và dưới 5,5‰ vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 8‰ vào năm 2025 và dưới 7,5‰ vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống 11% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 23,3% vào năm 2025 và 15 % vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống 5% đối với nông thôn vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống 10% đối với thành thị vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 10 : Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt trên 95% vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030;

- Chỉ tiêu 11: Trên 95% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 1% vào năm 2025 và 0% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 13: Phần đầu 98,6% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh vào năm 2025 và 100% đến năm 2030.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 14: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 1,2% vào năm 2025 và 1% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 15: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp đạt 98% vào năm 2025 và 99% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,004% vào năm 2025 và xuống dưới 0,002% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 0,2 % vào năm 2025 và xuống 0,1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 150/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 130/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 11/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 9/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 20: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 21: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hàng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 22: Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 100% đến năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 98,2% vào năm 2025 và 99% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,9% vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 25: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 100% vào năm 2025 và duy trì vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 26: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98,5% vào năm 2025 và đạt 99% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 27: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và 0,08% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 28: Duy trì 100% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 29: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 100% vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 30: Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 31: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 75% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 32: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 33: Phần đầu 60% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 34: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 50% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự hướng dẫn, phối hợp thực hiện của các Sở, ngành, địa phương đối với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

a) Ban hành chỉ thị, chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2021-2030.

b) Bảo đảm việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của tỉnh, ngành, địa phương và xác định cụ thể cơ chế, nguồn lực thực hiện.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương phải chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực, phạm vi của cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý. Triển khai thực hiện bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em.

2. Nghiên cứu bổ sung, xây dựng các biện pháp thực hiện chính sách bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề trẻ em.

a) Nghiên cứu, bổ sung, xây dựng các biện pháp thực hiện các chính sách hỗ trợ chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn 36 tháng tuổi; các chính sách trợ giúp nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số và miền núi, trẻ em trong các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trẻ em di cư và trong các gia đình công nhân tại các khu công nghiệp, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, thảm họa.

b) Nghiên cứu, rà soát, bổ sung, xây dựng các biện pháp thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, tư pháp thân thiện với trẻ em và người chưa thành niên.

3. Phát triển dịch vụ trẻ em trên các lĩnh vực phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục và tư pháp; chú trọng cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại gia đình, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế.

a) Nâng cao năng lực, cải thiện chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, dịch vụ công tác xã hội cho trẻ em; xây dựng và phát triển các mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp liên ngành, liên cấp, các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và kiêm nhiệm; đội ngũ cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, bảo vệ trẻ em và các dịch vụ an sinh xã hội khác.

c) Duy trì, phát triển hệ thống cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh; duy trì và mở rộng hoạt động của các cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

4. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em; vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

a) Đa dạng sản phẩm và các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng và truyền thông trực tiếp đến gia đình, cơ sở giáo dục và cộng đồng.

b) Chú trọng truyền thông, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em: chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em, tạo lập môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính; bảo vệ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, nhất là tai nạn đuối nước trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em.

5. Bảo đảm nguồn lực thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ưu tiên bố trí nguồn lực về bảo vệ trẻ em

a) Củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức và nhân lực để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành công tác trẻ em, cung cấp dịch vụ thực hiện quyền trẻ em.

b) Các sở, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; ưu tiên các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ trẻ em.

c) Mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn nhằm học tập kinh nghiệm, mô hình hay về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

6. Vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội

a) Vận động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề trẻ em.

b) Hình thành các phong trào, mạng lưới tình nguyện hỗ trợ việc thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em; khuyến khích hoạt động của các quỹ bảo trợ trẻ em để hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

c) Tăng cường sự quản lý, điều phối của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em bảo đảm công bằng, minh bạch, hiệu quả.

7. Hội nhập và hợp tác quốc tế về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em mang tính toàn cầu và khu vực.

a) Áp dụng sáng tạo các giải pháp, kinh nghiệm, mô hình của các quốc gia liên quan trong việc thực hiện quyền trẻ em, nhất là trong việc phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ nguồn lực và kinh nghiệm trong chăm sóc, bảo vệ quyền lợi trẻ em.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em; giải quyết, đôn đốc việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em, cha mẹ, người giám hộ, tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em.

b) Thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; thực hiện khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hằng năm của các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án liên quan khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng, các nguồn hợp pháp khác.

3. Các sở, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện Chương trình và các chỉ tiêu 1,2,14,15,16, 17, 18, 19, 20, 32,

33, 34 của Chương trình; đưa, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình thuộc trách nhiệm, thẩm quyền trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Hướng dẫn, triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

c) Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển các mô hình phát triển toàn diện trẻ em, dịch vụ bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; phối hợp với Tỉnh Đoàn thực hiện và phát triển mô hình Hội đồng trẻ em các cấp.

d) Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ làm công tác trẻ em các cấp, các ngành, các tổ chức, đặc biệt là cấp cơ sở; cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em; phối hợp với các sở, ngành có liên quan củng cố hệ thống cơ sở, mô hình cung cấp dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em.

e) Duy trì, sử dụng và nâng cấp phần mềm để quản lý tốt cơ sở dữ liệu về trẻ em, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác; chủ trì, phối hợp thực hiện khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em.

g) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, thanh tra liên ngành và chuyên đề về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em.

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình, bảo đảm đúng mục đích và chế độ quy định; giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu của Chương trình, định kỳ tổng hợp báo UBND tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết Chương trình vào cuối năm 2025 và tổng kết việc thực hiện Chương trình vào cuối năm 2030.

2. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh thực hiện chỉ tiêu 22 của Chương trình.

b) Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo và hướng dẫn việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia góp ý hoàn thiện thể chế về bảo vệ trẻ em trong quá trình tổ tụng và xử lý vi phạm hành chính.

c) Tăng cường hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em; bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước về công tác nuôi con nuôi.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn, thực hiện chỉ tiêu 16 của Chương trình.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan tuyên truyền và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi xâm hại trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật; xây dựng các chương trình, đề án liên quan đến trẻ em do ngành quản lý; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chiến sĩ làm công tác

phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra, xử lý hành vi xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch, hộ khẩu để tạo điều kiện cho trẻ em được thực hiện các quyền của trẻ em; phối hợp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại; phòng ngừa tái phạm, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em.

4. Sở Y tế

a) Hướng dẫn triển khai, thực hiện các chỉ tiêu 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 của Chương trình.

b) Thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ gia đình nghèo; Hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong bệnh viện.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Hướng dẫn triển khai, thực hiện các chỉ tiêu 13,23,24,25,26,27, 28,29,30 của Chương trình.

b) Triển khai chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi; duy trì và mở rộng các trường bán trú và dân tộc nội trú.

c) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh về quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình đối thoại học đường để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học; mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong trường học.

d) Triển khai việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em.

6. Sở Văn hoá và Thể thao

a) Hướng dẫn, triển khai, thực hiện chỉ tiêu 31 của Chương trình; phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị, tổ chức, địa phương thực hiện chỉ tiêu 21 của Chương trình.

c) Chủ trì, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em, nhất là các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao; tăng cường công tác thanh tra, kiểm

tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

đ) Hướng dẫn, trang bị kiến thức và kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình nhóm gia đình đồng hành cùng trẻ em để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong gia đình.

7. Sở Du lịch

a) Tăng cường các biện pháp phòng ngừa nguy cơ bạo lực, xâm hại trẻ em trong các hoạt động du lịch; phối hợp với ngành Công an có biện pháp quản lý chặt chẽ các đối tượng hoạt động du lịch, nhất là khách du lịch là người nước ngoài có án tích về xâm hại trẻ em đến Việt Nam.

b) Thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo, xử lý nghiêm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại trẻ em trong hoạt động du lịch và thực hiện các nội dung phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ và của cấp có thẩm quyền.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống truyền thanh, cơ sở truyền thông, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em, đặc biệt là kiến thức kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

b) Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, thiết lập các kênh thông tin để tiếp nhận, phản ánh thông tin về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

c) Nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí về thực hiện quyền trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

9. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan để nghiên cứu, tổng hợp các mục tiêu quan trọng của Chương trình hành động vì trẻ em vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất các bộ, ngành, cơ quan trung ương vận động các nguồn vốn trong nước, vốn viện trợ của các tổ chức quốc tế cho các chương trình, dự án về trợ giúp trẻ em theo hướng dẫn của trung ương.

11. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025”; tham mưu, hướng dẫn, tổ

chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu 21 của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

12. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm đưa hoặc lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Chương trình vào kế hoạch, chương trình công tác hàng năm, 5 năm, 10 năm của đơn vị; ban hành hoặc trình UBND tỉnh ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch để giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

13. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của địa phương.

b) Bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình hành động vì trẻ em của địa phương; đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện, nhân rộng các mô hình, giải pháp về thực hiện quyền trẻ em trong các chương trình, kế hoạch, dự án; rà soát, ưu tiên đầu tư ngân sách địa phương để duy trì, phát triển các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn.

c) Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn, thương tích trẻ em; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em trên địa bàn.

d) Theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện chương trình, hành động vì trẻ em của địa phương; sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030, báo cáo UBND tỉnh và các ngành có liên quan.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh và các đoàn thể, tổ chức hội có liên quan.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia và vận động xã hội tham gia thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình. Phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em” với mục tiêu xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho trẻ em, bảo đảm tất cả trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em.

Điều 3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội - cơ quan Thường trực quản lý Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động, giải pháp của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB & XH;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KGVX (H, D).

(B/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long

